

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PRÔNG
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/DS-ST
Ngày 13/8/2020
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PRÔNG, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trung Thực

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hồng Việt;
2. Ông Trương Công Chự.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 152/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ;

Địa chỉ: 35 H, Quận H, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn Ch; Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh P.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Minh M; Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh P - Phòng giao dịch Ch Pr;

Địa chỉ: 216 H, thị trấn Ch Pr, huyện Ch Pr, tỉnh Gia Lai.

(Theo văn bản ủy quyền số 900/QĐ-BIDV.PNU ngày 12 tháng 7 năm 2019).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm: 1967 và bà Phan Thị Hồng T, sinh năm: 1973;

Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện Ch Pr, tỉnh Gia Lai.

(Ông M có mặt; ông D bà T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ chi nhánh P (Sau đây gọi là ngân hàng) cho ông Nguyễn Văn D và bà Phan Thị Hồng T vay vốn theo nội dung tại hợp đồng tín dụng số 01/2016/8508522/HĐTD ngày 03/11/2016 và giấy đề nghị vay lưu vụ kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2017/8508522/HĐTD ngày 01/11/2017 với số tiền vay là 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng); thời hạn cho vay là 11 tháng. Mục đích vay vốn để chăm sóc cà phê, tiêu; Lãi suất trong hạn và quá hạn theo quy định tại hợp đồng tín dụng.

Ngân hàng cho ông D và bà T vay có bảo đảm bằng các tài sản theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/8508522/HĐBĐ ngày 01/11/2016 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/8508522/SĐBS ngày 01/11/2017. Tài sản thế chấp gồm:

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại xã Ia Pia, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai. Tổng diện tích đất 216 m²; Thửa đất số 95a; tờ bản đồ số 12 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 180715 do Ủy ban nhân dân huyện ChPr cấp ngày 05 tháng 6 năm 2006.

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thôn 3, xã P, huyện Ch Pr, tỉnh Gia Lai. Tổng diện tích đất 20.000m²; Thửa đất số 27; tờ bản đồ số 75 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 753927 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 26 tháng 10 năm 2016.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông D và bà T đã vi phạm hợp đồng tín dụng. Ông D và bà T mới chỉ trả lãi trong hạn từ ngày vay đến hết ngày 19/3/2018. Đến kỳ hạn trả nợ lãi và gốc ông bà đã không trả nợ do vậy toàn bộ khoản nợ tại Hợp đồng tín dụng ông bà ký kết với ngân hàng đã bị quá hạn. Mặc dù ngân hàng đã nhiều lần thông báo, yêu cầu trả nợ nhưng ông bà vẫn không thanh toán khoản nợ cho ngân hàng.

Tính đến ngày 13/8/2020, ông D và bà T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 751.887.670 đồng, trong đó:

- Nợ gốc là 550.000.000 đồng.
- Nợ lãi tính đến ngày 13/8/2020 là: 201.887.670 đồng gồm nợ lãi trong hạn là 145.365.753 đồng; nợ lãi quá hạn là 56.521.917 đồng.

Nay Ngân hàng căn cứ vào các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng tín dụng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn D và bà Phan Thị Hồng T phải thực hiện các nghĩa vụ sau:

Trả cho Ngân hàng tiền gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng tổng cộng số tiền 751.887.670 đồng, trong đó nợ gốc là 550.000.000 đồng; nợ lãi tính đến ngày 13/8/2020 là: 201.887.670 đồng (gồm nợ lãi trong hạn là 145.365.753 đồng; nợ lãi quá hạn là 56.521.917 đồng) cùng toàn bộ tiền lãi phát sinh cho đến khi thu hồi xong các khoản nợ. Nếu ông Nguyễn Văn D và bà Phan Thị Hồng T không trả được nợ thì đề nghị Tòa án giải quyết xử lý tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng

đặt để Ngân hàng thu hồi nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông Nguyễn Văn D và bà Phan Thị Hồng T vẫn không đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Phát biểu quan điểm, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án. Về nội dung, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 143, 144, 147, 157, 158; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 116, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Văn D và bà Phan Thị Hồng T có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/8508522/HĐTD ngày 03/11/2016 và giấy đề nghị vay lưu vụ kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2017/8508522/HĐTD ngày 01/11/2017.

Trường hợp ông D và bà T không trả được nợ, đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị buộc bị đơn phải liên đới chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ ủy quyền cho Chi nhánh P khởi kiện ông Nguyễn Văn D và bà Phan Thị Hồng T để yêu cầu trả số nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/8508522/HĐTD ngày 03/11/2016 và giấy đề nghị vay lưu vụ kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2017/8508522/HĐTD ngày 01/11/2017. Ông Nguyễn Văn D và bà Phan Thị Hồng T không có đăng ký kinh doanh do vậy đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Văn D và bà Phan Thị Hồng T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về tranh chấp hợp đồng tín dụng:

[2.1]. Tính hiệu lực của hợp đồng: Hợp đồng tín dụng số 01/2016/8508522/HĐTD ngày 03/11/2016 được ký kết giữa một bên cấp tín dụng là

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ với một bên được cấp tín dụng là ông Nguyễn Văn D và giấy đề nghị vay lưu vụ kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2017/8508522/HĐTD ngày 01/11/2017, được ký kết giữa một bên cấp tín dụng là Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ với một bên được cấp tín dụng là ông Nguyễn Văn D, bà Phan Thị Hồng T có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015; các Điều 91 và 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên phát sinh các quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên.

[2.2]. Về yêu cầu trả nợ gốc: Ngân hàng đã giải ngân cho ông Nguyễn Văn D và bà Phan Thị Hồng T vay số tiền 550.000.000 đồng. Tại giấy đề nghị vay vốn ngày 01/11/2016 và giấy đề nghị vay lưu vụ kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2017/8508522/HĐTD ngày 01/11/2017 thể hiện bên vay là ông Nguyễn Văn D và bà Phan Thị Hồng T. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông D và bà T vi phạm về nghĩa vụ trả lãi và gốc cho Ngân hàng. Việc ông Nguyễn Văn D và bà Phan Thị Hồng T không trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng như đã thoả thuận là vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay quy định tại Điều 1 Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do vậy Ngân hàng khởi kiện buộc ông Nguyễn Văn D và bà Phan Thị Hồng T phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ gốc số tiền 550.000.000 đồng là có căn cứ pháp luật.

[2.3]. Về yêu cầu trả nợ lãi: Xét sự thỏa thuận về mức lãi suất vay của các bên trong hợp đồng tín dụng nêu trên là phù hợp với quy định của Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng và Luật Các tổ chức tín dụng. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn cung cấp bảng tính lãi trong đó có xác định rõ lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả và lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả tương ứng với thời hạn vay và trả nợ phù hợp với chính sách lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ, đúng theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng và Thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Ngân hàng Nhà nước quy định phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 13/8/2020, ông Nguyễn Văn D và bà Phan Thị Hồng T còn nợ Ngân hàng số tiền lãi là 201.887.670 đồng (Gồm nợ lãi trong hạn là 145.365.753 đồng; nợ lãi quá hạn là 56.521.917 đồng) như đại diện nguyên đơn trình bày là có cơ sở, nên cần chấp nhận.

Như vậy cần buộc ông Nguyễn Văn D và bà Phan Thị Hồng T phải liên đới trả cho Ngân hàng tổng cộng số tiền 751.887.670 đồng, trong đó nợ gốc là 550.000.000 đồng; nợ lãi tính đến ngày 13/8/2020 là: 201.887.670 đồng (Gồm nợ lãi trong hạn là 145.365.753 đồng; nợ lãi quá hạn là 56.521.917 đồng).

[3]. Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/8508522/HĐBĐ ngày 01/11/2016 được Công chứng tại Văn phòng Công chứng Ch Pr ngày 02/11/2016 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/8508522/SĐBS ngày 01/11/2017 được Công chứng tại Văn phòng Công chứng Ch P ngày 01/11/2017 giữa

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh P, Phòng giao dịch Ch Pr với ông Nguyễn Văn D và bà Phan Thị Hồng Th. Tài sản thế chấp được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh G L - Chi nhánh huyện Ch Pr, là để đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng hợp đồng tín dụng số 01/2016/8508522/HĐTD ngày 03/11/2016 và giấy đề nghị vay lưu vụ kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2017/8508522/HĐTD ngày 01/11/2017. Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm nên có hiệu lực thi hành. Do vậy nếu ông D và bà Th không thực hiện đúng nghĩa vụ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án huyện Ch Pr, tỉnh G L xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ.

[4]. Về chi phí tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, đại diện Ngân hàng đã yêu cầu Tòa án thẩm định tài sản đã thế chấp để có căn cứ giải quyết, đồng thời đã tạm nộp tiền chi phí thẩm định là 3.000.000 đồng. Số tiền trên đã chi đủ cho công việc thẩm định và đo đạc. Do yêu cầu của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận, nên căn cứ vào các Điều 157, 158 của Bộ luật tố tụng dân sự, ông D và bà T phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng và phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 3.000.000 đồng chi phí thẩm định.

[5]. Về án phí:

Đối chiếu với quy định tại các Điều 143, 144 và 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Cụ thể ông Nguyễn Văn D và bà Phan Thị Hồng T phải chịu (20.000.000đ + 351.887.670 x 4%) = 34.075.507 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 26; các Điều 143, 144, 147, 157, 158, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng:

+ Các Điều 117, 118, 119, 288, 317, 318, 319, 323, 463, 466, 500, 501, 502 Bộ luật dân sự năm 2015;

+ Điều 167 và Điều 168 Luật đất đai năm 2013;

+ Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

+ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ

Buộc ông Nguyễn Văn D và bà Phan Thị Hồng T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ thông qua Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi

nhánh P số tiền tổng cộng là 751.887.670 đồng, trong đó nợ gốc là 550.000.000 đồng; nợ lãi tính đến ngày 13/8/2020 là: 201.887.670 đồng (Gồm nợ lãi trong hạn là 145.365.753 đồng; nợ lãi quá hạn là 56.521.917 đồng).

Việc tính lãi và cả lãi suất nợ quá hạn đối với các khoản vay của tổ chức tín dụng phải theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng. Khi tính lãi chỉ tính lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án.

2. Trong trường hợp ông Nguyễn Văn D và bà Phan Thị Hồng T không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện ChPr, tỉnh Gia Lai xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/8508522/HĐBĐ ngày 01/11/2016 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/8508522/SĐBS ngày 01/11/2017 để đảm bảo thi hành án, gồm những tài sản sau:

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại xã I P, huyện Ch Pr, tỉnh Gia Lai. Tổng diện tích đất 216 m²; Thửa đất số 95a; tờ bản đồ số 12 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 180715 do Ủy ban nhân dân huyện ChPr cấp ngày 05 tháng 6 năm 2006.

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thôn 3, xã P, huyện Ch Pr, tỉnh Gia Lai. Tổng diện tích đất 20.000m²; Thửa đất số 27; tờ bản đồ số 75 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 753927 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 26 tháng 10 năm 2016.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ Chi nhánh P có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn D và bà Phan Thị Hồng T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 180715 do Ủy ban nhân dân huyện Chư Prông cấp ngày 05 tháng 6 năm 2006 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 753927 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 26 tháng 10 năm 2016 sau khi ông Nguyễn Văn D và bà Phan Thị Hồng T trả đầy đủ số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn D và bà Phan Thị Hồng T phải liên đới chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*). Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*). Ông Nguyễn Văn D và bà Phan Thị Hồng T phải hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ thông qua Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh P số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

4. Về án phí sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn D và bà Phan Thị Hồng T phải liên đới chịu 34.075.507 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ thông qua Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ- Chi nhánh P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.323.321 đồng theo

biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0000484 ngày 13/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Chư Prông;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Ngô Trung Thực